

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 7 năm 2019
“V/v Không công nhận vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nông Thị Thúy

2. Bà Trần Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Doãn Khắc Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V: Ông Nguyễn Hồng Quân, kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1064/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Bàn Ngọc T, S năm 1984;

Địa chỉ: Thôn Bản D, xã Cao B, huyện V, tỉnh H.

2. *Bị đơn:* Chị Bàn Thị D; S năm: 1981;

Địa chỉ: Thôn Bản D, xã Cao B, huyện V, tỉnh H.

Các bên đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2019 và bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ, tại phiên tòa Nguyên đơn anh Bàn Ngọc T trình bày: Anh và chị Bàn Thị D lấy nhau là do hai bên gia đình nội ngoại sắp đặt và có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc được 15 năm sau thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp bất đồng quan điểm sống, chị D thường hay ghen tuông nghi ngờ anh có quan hệ với người phụ nữ khác và ham chơi cờ bạc. Vì vậy, anh chị thường xuyên cãi chửi nhau mặc dù anh đã cố gắng chịu đựng nhưng cũng không thể cải thiện và hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2014 đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không

đạt được vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh có hai con chung, tên là Bàn Thị S, S ngày 06/11/2000 (Cháu S đã trưởng thành đi xây dựng gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết); cháu Bàn Thị S, S ngày 03/5/2003, Ngoài ra, anh và chị D có nhận 01 con nuôi tên là Bàn Văn Đ, S ngày 29/7/2006. Ly hôn anh yêu cầu Tòa án giao cho anh trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bàn Văn Đ cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và giao cho chị Bàn Thị D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bàn Thị S cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Bàn Thị D trình bày: Chị hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của anh T, về quan hệ hôn nhân chị với anh T có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh Bàn Văn T, trong thời gian chung sống anh chị hòa thuận với nhau được 15 năm thì phát S mâu thuẫn, vì lý do trong cuộc sống vợ chồng có những bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung anh T thường chơi bời cờ bạc, không chịu làm ăn và mang tài sản của gia đình đi bán để đánh bạc chị và bố mẹ anh T có khuyên bảo nhưng anh T không chịu nghe mà ngày càng xảy ra nhiều hơn, chị đã sống ly thân với anh T từ năm 2014 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh T làm đơn xin chấm dứt quan hệ vợ chồng với chị, chị hoàn toàn nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung và 01 con nuôi. Sau khi ly hôn anh chị đã tự thỏa thuận với nhau: Anh T giao cho chị được trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bàn Thị S, S ngày 03/5/2003 cho đến khi đủ 18 tuổi, còn chị giao cháu Bàn Văn Đ là con nuôi cho anh Bàn Văn T trông nom nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Bàn Thị S đã đi xây dựng gia đình nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hoà giải: Anh Bàn Ngọc T, chị Bàn Thị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Anh T và chị D; về con chung: Anh T giao cho chị D được trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bàn Thị S, S ngày 03/5/2003 cho đến khi đủ 18 tuổi, giao cháu Bàn Văn Đ là con nuôi cho anh Bàn Văn T trông nom nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản, công nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị D nhất trí với toàn bộ yêu cầu của anh T.

- *Ý kiến của Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc giải quyết vụ án:* Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về việc giải quyết vụ

án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 232, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bàn Ngọc T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Bàn Thị D;

- *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận anh Bàn Ngọc T và chị Bàn Thị D là vợ chồng.

- *Về con chung*: Giao cho anh Bàn Ngọc T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bàn Văn Đ cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và giao cho chị Bàn Thị D trực tiếp trông nom nuôi dưỡng giáo dục cháu Bàn Thị S cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Bàn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn. Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Về tố tụng dân sự: Anh Bàn Ngọc T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải quyết ly hôn với chị Bàn Thị D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ngày 18/10/1998 anh Bàn Ngọc T và chị Bàn Thị D tự nguyện về chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn vì khi về chung sống anh T mới được 14 tuổi, chị D 20 tuổi nên chưa đủ điều kiện để kết hôn, quá trình chung sống có 2 con chung và 01 con nuôi, từ năm 2006 anh T, chị D phát S mâu thuẫn trầm trọng kéo dài đến năm 2014 sống ly thân kể từ đó cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh T làm đơn xin chấm dứt quan hệ vợ chồng với chị D, là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: Trong thời kỳ chung sống anh T và chị D có hai con chung, tên là Bàn Thị S, S ngày 06/11/2000 (S đã trưởng thành và đi xây dựng gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết); cháu Bàn Thị S, S ngày 03/5/2003, Ngoài ra, anh và chị D có nhận 01 con nuôi tên là Bàn Văn Đ, S ngày 29/7/2006.

Ly hôn anh T yêu cầu Tòa án giao cho anh trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bàn Văn Đ cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và giao cho chị Bàn Thị D trực tiếp trông nom nuôi dưỡng giáo dục cháu Bàn Thị S cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu của anh T, chị D về việc nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy: việc giao con cho ai nuôi dưỡng, phải căn cứ vào điều kiện kinh tế của mỗi bên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con. Theo sự thỏa thuận của anh T, chị D là phù hợp với điều kiện khả năng thực tế và nguyện vọng của các con gửi đến Tòa án, hiện tại anh T và chị D đều có công việc làm ổn định, mức thu nhập đảm bảo để chăm sóc nuôi dưỡng con phát triển và trưởng thành toàn diện. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bàn Văn Đ cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và giao cho chị Bàn Thị D trực tiếp trông nom nuôi dưỡng giáo dục cháu Bàn Thị S cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quyền và Nghĩa vụ của anh T, chị D đối với các con được thực hiện theo quy định tại Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, công nợ chung: anh T, chị D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét để giải quyết trong cùng vụ án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bàn Ngọc T là Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo anh Bàn Ngọc T và chị Bàn Thị D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 232, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận anh Bàn Ngọc T và chị Bàn Thị D là vợ chồng.

- *Về con chung*: Giao cho anh Bàn Ngọc T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bàn Văn Đ cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và giao cho chị Bàn Thị D trực tiếp trông nom nuôi dưỡng giáo dục cháu Bàn Thị S cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên

đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, công nợ chung*: Anh Bàn Ngọc T, chị Bàn Thị D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Bàn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 02200 ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H.

- Về quyền kháng cáo: Anh Bàn Ngọc T và chị Bàn Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- UBNDTT xã Cao B, huyện V,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thu Hiền

